

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 364/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2024

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé.

2. Ông Nguyễn Hoa Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang: Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Ông T có đơn xin vắng mặt, bà T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. Theo Đơn khởi kiện và bản tự khai, ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Bích T1 tự nguyện cưới nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 23/3/2011. Thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hoà hợp nên thường xuyên cãi vã, ông bà đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích T1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh T2, sinh ngày 13/01/2011 và Nguyễn Anh T3, sinh ngày 27/4/2014. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T3, không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi cháu T3. Giao cháu

T2 cho bà T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi cháu T2.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T1 mặc dù đã được Toà án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ kiện: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T1 có mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được nên việc ông T yêu cầu ly hôn với bà T1 và yêu cầu về nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung không có, là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định, ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Bích T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng dù đã được Toà án triệu tập họp lệ, do đó Toà án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T1 là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về thực trạng hôn nhân: Quá trình tố tụng, ông T trình bày, ông bà kết hôn tự nguyện và sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hoà hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã và ông bà đã ly thân năm 2023 đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn bà T1.

[5] Về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến trình bày của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án:

Quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng bà T1 không nộp bản tự khai hoặc các văn bản thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời bà T1 cũng vắng mặt tại các phiên hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, bà T1 cũng vắng mặt mà không vì sự việc bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, thể hiện ý chí không muốn hàn gắn. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà T1 có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ly hôn là biện pháp tốt nhất để trả tự do cho cả hai. Vì vậy, ông T yêu cầu được ly hôn với bà T1 là có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

- Về con chung: Ông bà có hai con chung là Nguyễn Thị Anh T2, sinh ngày 13/01/2011 và Nguyễn Anh T3, sinh ngày 27/4/2014; Hội đồng xét xử thông qua kết quả xác minh thực tế tại địa phương và xem xét nguyện vọng cháu T2, cháu T3 nhận thấy: cháu T2 đang sống cùng bà T1 và cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu T3 hiện sống cùng ông T, có nguyện vọng được sống với cha. Hai cháu đang có nơi ở, nơi học tập ổn định để tiếp tục phát triển về thể chất và tinh thần. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T1 cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về việc ông T yêu cầu giao cháu T2 cho bà tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Vì vậy, yêu cầu của ông T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu T3, giao cháu T2 cho bà T1 chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận. Về việc cấp dưỡng nuôi con, ông T, bà T1 không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Ông T, bà T1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét trong vụ án.

[5] Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích T1.

2/ Về con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Anh T3, sinh ngày 27/4/2014 cho ông Nguyễn Văn T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, bà T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Anh T2, sinh ngày 13/01/2011 cho bà Nguyễn Thị Bích T1 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T, bà T1 có quyền thăm nom hai con chung, không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007574 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, xem như đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã Bình Phan, CG;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Quang Minh

